

Số: 14/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 3 năm 2023

### NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Phổ Yên

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Phổ Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Phổ Yên, cụ thể như sau:

- 01 dự án thu hồi đất với diện tích 3,15 ha (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).
- 01 dự án có chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa với diện tích 3,15 ha (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

**Điều 2.** Thông qua điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích đối với 09 dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên (chi tiết tại Phụ lục III, IV kèm theo).

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; căn cứ pháp lý của các dự án và tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa vào sử dụng đất có hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai. Tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười một (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2023. /.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục I**

**Danh mục 01 dự án thu hồi đất trên địa bàn thành phố Phổ Yên**

(Kèm theo Nghị quyết số: **14** /NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
1	Tuyến đường từ đường liên kết vùng đi Hồ Suối Lạnh xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	3,15	0,12			3,03

## Phụ lục II

### Danh mục 01 dự án có chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Phổ Yên

(Kèm theo Nghị quyết số: **14** /NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
1	Tuyến đường từ đường liên kết vùng đi Hồ Suối Lạnh xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	3,15	0,12			3,03

**Phụ lục III**  
**Điều chỉnh diện tích, địa điểm đối với 05 dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
<b>I Nghị Quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh</b>															
1	Hệ thống xử lý nước thải Khu đô thị Nam Thái	Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên	0,70	0,40			0,30	1	Hệ thống xử lý nước thải Khu đô thị Nam Thái	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,23	0,33			0,90
		Xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên	0,72	0,40			0,32								
<b>II Nghị Quyết số 35/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh</b>															
1	Khu đô thị Thành Công (Khu số 1)	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	40,10	16,40			23,70	1	Khu đô thị Thành Công (Khu số 1)	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	39,76	16,40			23,36
2	Khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng Thành Công 2	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	25,70	3,10			22,60	2	Khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng Thành Công 2	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	24,62	3,10			21,52
3	Khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng Thành Công 1	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	13,80	2,15			11,65	3	Khu dân cư sinh thái và nghỉ dưỡng Thành Công 1	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	12,73	2,03			10,70
<b>III Nghị Quyết số 73/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh</b>															
1	Sân gôn Glory	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	90,00	1,25			88,75	1	Sân gôn Glory	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	53,92	0,52			53,40

**Phụ lục IV**  
**Điều chỉnh tên đối với 04 dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
<b>I Nghị Quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh</b>															
1	Điểm dân cư nông thôn Âm Diện, xã Hồng Tiến	Xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên	13,44	12,15			1,29	1	Khu dân cư Âm Diện	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	13,44	12,15			1,29
2	Khu đô thị Đại Thắng	Phường Bãi Bông, phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	11,58	7,60			3,98	2	Khu dân cư Đại Thắng	Phường Bãi Bông, Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	11,58	7,60			3,98
<b>II Nghị Quyết số 35/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh</b>															
1	Khu đô thị Kim Thái	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	5,11	4,21			0,90	4	Khu dân cư Kim Thái	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	5,11	4,21			0,90
		Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,10	1,08			0,02			Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,10	1,08			0,02
<b>III Nghị Quyết số 97/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh</b>															
1	Điểm dân cư nông thôn Thành Lập 2	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	16,29	12,69			3,60	1	Khu dân cư Thành Lập 2	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	16,29	12,69			3,60
		Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	1,73	1,31			0,42			Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	1,73	1,31			0,42